TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 08-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST-DS ngày 12/6/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 02/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-DS ngày 19/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Văn T chỉ là người quen biết với nhau, chị em vẫn thường xuyên đi lại với nhau thân thiết như người trong gia đình, do quen biết như vậy cho nên anh T đã hỏi chị vay tiền để đảo sổ ở ngân hàng cụ thể.

Ngày 02/11/2029 anh Nguyễn Văn T hỏi vay tiền của chị để đảo sổ nợ ngân hàng do chị với anh T là chỗ quen biết nên chị đồng ý cho vay số tiền anh T vay của chị là 16.000.000 đồng, khi chị giao tiền anh T có viết giấy biên nhận vay tiền đưa cho chị giữ để làm căn cứ.

Lần thứ hai vào ngày 21/11/2019 anh T hỏi vay chị số tiền 7.000.000 đồng để đảo sổ nợ ngân hàng, vì chỗ chị em cho nên chị đồng ý cho vay, khi anh T nhận tền có viết giấy biên nhận nợ cho chị đầy đủ.

Lần thứ ba vào ngày 19/3/2020 anh T lại hỏi vay tiếp để trả nợ ngân hàng số tiền là 7.000.000đ, khi anh T nhận tiền có viết giấy biên nhận nợ.

Cả ba lần anh T vay tiền của chị để đảo sổ ở ngân hàng và hứa đảo sổ song xẽ trả chị đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi như hai bên đã thỏa thuận.

Sau khi trả đảo sổ ngân hàng song anh T cũng không trả chị số tiền đã vay tổng cộng là 30.000.000 đồng, chị đã xuống nhà anh T đòi nhiều lần nhưng anh T khất nợ cố tình không chịu trả tiền cho chị và còn có ý chốn tránh chị, nhiều lần không muốn gặp chị, để chị ổn định kinh tế trong gia đình.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho chị số tiền đã vay của chị ba lần tổng số là 30.000.000đồng và tiền lãi là 10.000.000đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả cho chị cả tiền gốc và tiền lãi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn) ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Việc anh T vay tiền của chị là chỉ có một mình anh T đứng lên vay, vợ anh T là chị Hoan không biết, không có liên quan gì đến việc anh T vay tiền của chị, vì vậy chị chỉ kiện đòi một mình anh Nguyễn Văn T phải trả tiền cho chị số tiền đã vay cả gốc và tiền lãi, chị H không liên quan đến việc vay tiền nên chị không yêu cầu chị H phải trả tiền cho chị, anh T vay thì anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị.

Ngày 06/9/2023, nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc buộc bị đơn trả lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc đã vay.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, điểm c khoản 1 Điều 192; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị T số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thị T về việc buộc anh Nguyễn Văn T trả số tiền lãi là 10.000.000đồng.

3. Về án phí: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xã Trí Yên, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay 30.000.000 đồng. Nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các giấy vay tiền ngày 02/11/2029, ngày 21/11/2019 và 19/3/2020 cùng các lời khai của nguyên đơn có nội dung: Anh Nguyễn Văn T có vay của Chị Lê Thị T số tiền là 30.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất cho vay.

Khi Tòa án làm việc với chị Nguyễn Thị H (vợ anh T), chị H có trình bày về việc chị có biết anh T có vay tiền của chị T nhưng không biết vay để làm gì, nhưng không vay để phát triển kinh tế gia đình. Chị T nhiều lần đến nhà đòi tiền anh T. Hiện anh T có mặt ở nhà, chị nhận các thông báo của Tòa án thay cho anh T.

Căn cứ vào lời khai và tài liệu do nguyên đơn giao nộp, lời khai của chị Hoan thì thấy: Về hình thức, nội dung của hợp đồng vay tài sản hoàn toàn phù hợp với Điều 433 Bộ luật dân sự. Khi ký hợp đồng cả chị T và anh T đều có đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Các bên hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng các hợp đồng vay ngày 02/11/2029, ngày 21/11/2019 và 19/3/2020 giữa Chị Lê Thị T

và Anh Nguyễn Văn T thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bên cho vay đã giao tiền nhưng bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 436 Bộ luật dân sự. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho chị T là 30.000.000 đồng.

Việc chị Lê Thị T rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn T phải trả lãi suất là tự nguyện, cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Do yêu cầu của Chị Lê Thị T được chấp nhận, nên anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là: 30.000.000đồng x 5% = 1.500.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, điểm c khoản 1 Điều 192; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị T số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Lê Thị T về việc buộc anh Nguyễn Văn T trả số tiền lãi là 10.000.000đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0010023 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

5. Về Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hiếu